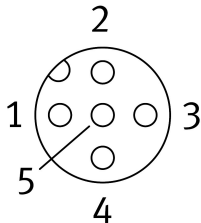
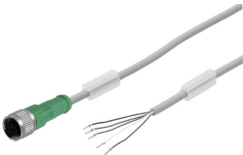


# Cáp kết nối NEBS-M12G5-ES-10-LE5

Số bộ phận: 8030963

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                      | Giá trị                                 |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Tên cáp                                       | với 2x giá đỡ biển báo                  |
| trọng lượng sản phẩm                          | 528 g                                   |
| Cổng nối điện 1, chức năng                    | Phía thiết bị hiện trường               |
| Cổng nối điện 1, thiết kế                     | tròn                                    |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối                 | Ổ cắm                                   |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp                   | thẳng                                   |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối            | M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101 |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây              | 5                                       |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng       | 5                                       |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn                     | Khóa vít                                |
| Cổng nối điện 2, chức năng                    | Phía điều khiển                         |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối                 | Cáp                                     |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối            | đầu mở                                  |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây                   | 5                                       |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng       | 5                                       |
| Dải điện áp hoạt động DC                      | 0 V...60 V                              |
| Dải điện áp hoạt động AC                      | 0 V...48 V                              |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 °C                | 4 A                                     |
| Độ chịu điện áp xung                          | 1.5 KV                                  |
| Lớp bảo vệ                                    | có                                      |
| Chiều dài cáp                                 | 10 m                                    |
| Đặc điểm dây dẫn                              | thích hợp cho máng xích                 |
| Dòng điều kiện kiểm tra                       | Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu         |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định          | 26 mm                                   |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển | 52 mm                                   |
| Đường kính cáp                                | 5.25 mm                                 |
| Dung sai đường kính cáp                       | ± 0,2 mm                                |
| Cấu tạo cáp                                   | 5 x 0,34 mm <sup>2</sup>                |
| Mặt cắt danh định của dây dẫn                 | 0.34 mm <sup>2</sup>                    |

| Đặc tính                                                    | Giá trị                   |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------|
| Đầu dây                                                     | cắt cùn                   |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP65<br>IP67              |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                                      | ở trạng thái lắp          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                              | -40 °C...80 °C            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -25 °C...60 °C            |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                         | theo chỉ thị RoHS của EU  |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                       | theo các quy định UK RoHS |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364-B2-L            |
| Ghi chú vật liệu                                            | Tuân thủ RoHS             |
| mức độ ô nhiễm                                              | 3                         |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                                         | TPE-U(PUR)                |
| Màu vỏ cáp                                                  | màu đen                   |
| Vật liệu của phốt                                           | NBR                       |
| Vật liệu các tiếp điểm phích cắm                            | Đồng mạ niken và mạ vàng  |
| Vật liệu vỏ cách điện                                       | PP                        |